

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đình Thọ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2218/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.002381	Cấp giấy giới thiệu để nghị cấp giấy phép vận tải loại D	Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Đường bộ	Tổng cục ĐBVN
B. Thủ tục hành chính cấp địa phương					
2	1.005035	Cấp Giấy phép loại B, C, F, G từ lần thứ 2 trở đi trong năm	Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Đường bộ	Sở GTVT
C. Thủ tục hành chính do cả Trung ương và địa phương giải quyết					
3	2.001034	Cấp Giấy phép loại A, E hoặc giấy phép loại B, C, F, G lần đầu trong năm	Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ	Đường bộ	Tổng cục ĐBVN, Sở GTVT

			nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa		
4	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, B, C, D, E, F, G	Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Đường bộ	Tổng cục ĐBVN, Sở GTVT

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp Giấy giới thiệu đề nghị cấp giấy phép vận tải loại D

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Cấp Giấy giới thiệu đề nghị cấp giấy phép vận tải loại D đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy giới thiệu đề nghị cấp giấy phép vận tải loại D.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải theo mẫu quy định;

- Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Danh sách xe kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô

Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã thì xuất trình thêm bản sao chụp một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao chụp);

- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba còn giá trị trên lãnh thổ Việt Nam và Trung Quốc (bản sao chụp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy giới thiệu đề nghị cấp giấy phép vận tải loại D.

1.8. Phí, lệ phí: theo quy định của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ Việt - Trung.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

- Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI

Tên đơn vị vận tải
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (nếu có) số.....ngày.....tháng...năm....
Nơi cấp:.....hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
số:.....ngày.....tháng.....năm.....Nơi cấp.
5. Đơn vị xin cấp phép cho ô tô theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều ô tô thì lập bảng kê kèm theo đơn)

T T	Biển số	Nhãn hiệu phương tiện	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghi trên đường

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:, Điện thoại:.....

....., Ngày....tháng....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

2. Cấp Giấy phép loại B, C, F, G từ lần thứ 2 trở đi trong năm

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe xuất trình giấy đăng ký xe cho Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Căn cứ vào danh sách phương tiện vận tải đã được cấp giấy phép, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng đối chiếu giấy đăng ký xe và cấp Giấy phép vận tải theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký xe (Người lái xe xuất trình khi đến thực hiện thủ tục).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi người lái xe đến thực hiện thủ tục.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép loại B, C, F, G từ lần thứ 2 trở đi trong năm.

2.8. Phí, lệ phí: theo quy định của Bộ Tài chính.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không có.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

- Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

3. Cấp Giấy phép loại A, E hoặc giấy phép loại B, C, F, G lần đầu trong năm

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép loại A, E hoặc giấy phép loại B, C, F, G lần đầu trong năm cho cơ quan cấp phép:

+ Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép vận tải loại E hoặc Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm (năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12);

+ Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh: Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai cấp Giấy phép vận tải loại A hoặc Giấy phép vận tải loại B, C lần đầu trong năm.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp giấy phép vận tải theo thẩm quyền;

- Sau khi cấp giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo danh sách phương tiện vận tải đã được cấp phép đến Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải theo mẫu quy định;

- Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Danh sách xe kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô

Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã thì xuất trình thêm bản sao chụp một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao chụp);

- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba còn giá trị trên lãnh thổ Việt Nam và Trung Quốc (bản sao chụp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép loại A, E; B, C, F, G.

3.8. Phí, lệ phí: theo quy định của Bộ Tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ Việt - Trung.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

- Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI

Tên đơn vị vận tải
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (nếu có) số.....ngày.....tháng...năm....
Nơi cấp:.....hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
số:.....ngày.....tháng.....năm.....Nơi cấp.
5. Đơn vị xin cấp phép cho ô tô theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều ô tô thì lập bảng kê kèm theo đơn)

T T	Biên số	Nhãn hiệu phương tiện	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghi trên đường

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:, Điện thoại:.....

....., Ngày....tháng....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

4. Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, B, C, D, E, F, G

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Cấp lại giấy phép vận tải A, B, C, D, E, F, G đến cơ quan cấp phép:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp lại:

+ Giấy phép vận tải loại D, giấy phép vận tải loại E;

+ Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm (năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12);

- Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh: Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Lào Cai cấp lại:

+ Giấy phép vận tải loại A;

+ Giấy phép vận tải loại B, C lần đầu trong năm;

+ Giấy phép loại B, C, F, G từ lần thứ 2 trở đi trong năm.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp giấy phép vận tải theo thẩm quyền;

- Sau khi cấp lại giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo danh sách phương tiện vận tải đã được cấp phép đến Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với Giấy phép vận tải loại A và E hết hạn; Giấy phép vận tải loại B, C, F, G hết hạn trong năm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải theo mẫu quy định;

+ Danh sách xe kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô;

Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã thì xuất trình thêm bản sao chụp một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

* Đối với Giấy phép loại A, D, E bị mất, bị hư hỏng nhưng còn thời hạn hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép loại A, E; B, C, F, G.

4.8. Phí, lệ phí: theo quy định của Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ Việt – Trung (Trường hợp Giấy phép vận tải hết hạn);

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép vận tải (Trường hợp Giấy phép vận tải bị mất, bị hư hỏng nhưng còn thời hạn hiệu lực).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

- Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI

Tên đơn vị vận tải
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (nếu có) số.....ngày.....tháng...năm....
Nơi cấp:.....hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
số:.....ngày.....tháng.....năm.....Nơi cấp.
5. Đơn vị xin cấp phép cho ô tô theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều ô tô thì lập bảng kê kèm theo đơn)

T T	Biên số	Nhãn hiệu phương tiện	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghi trên đường

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:, Điện thoại:.....

....., Ngày....tháng....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI
Annex 9. Application form for transport permit renewal

Tên đơn vị vận tải
Transport Organization

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI
APPLICATION FORM FOR TRANSPORT PERMIT RENEWAL

Kính gửi:

To:

1. Tên đơn vị vận tải (Transport organization):.....
2. Địa chỉ (Address):.....
3. Số điện thoại (Tel):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (nếu có) số
.....ngày.....tháng.....năm.....Nơi cấp:hoặc Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số:.... ngày....tháng....năm.....
Permit for Transport Business by motor vehicle (if any)
Nodated.....(dd/mm/yy) issued byor Business Registration
Certificate No.....
5. Đơn vị xin cấp lại giấy phép cho ô tô do bị mất, hỏng theo danh sách dưới đây:
Organization requests for transport permit renewal due to loss, damage following the list
below:

(Nếu có nhiều ô tô thì lập bảng kê kèm theo đơn)

(Attach the table with application form in case of lots of vehicles)

TT No	Biển số xe Registration number plate	Nhãn hiệu phương tiện Mark	Trọng tải (số ghế, tấn) Weight (number of seat, ton)	Thời hạn đề nghị cấp phép Date of requesting for transport permit	Số giấy phép vận tải bị mất, hỏng Lost, damaged transport permit No.	Tuyến hoạt động Route	Điểm dừng nghi trên đường Stops on roads

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: Điện thoại:
 Contact person: Full name:Tel:

Nơi nhận (Recipients):

- Cơ quan quản lý cấp phép (Transport permit managing authority);
- Lưu VP (Files)

....., ngàytháng.....năm.....

....., date.....(dd/mm/yy)

Thủ trưởng đơn vị (Head of organization)

(Ký tên, đóng dấu) (signed and stamped)